

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về lệ phí trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 3822/SXD-VP ngày 15 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 07 danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung về lệ phí trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*Có Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cập nhật TTHC vào Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các TTHC đã được ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng tại đơn vị và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính và Quyết định sau đây:

Thay thế TTHC số 05 tại Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (bao gồm thẩm quyền giải quyết Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh).

Thay thế TTHC số 01, 02, 03, 04, 05, 06 tại Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ

(Ban hành theo Quyết định số 2704 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng ban hành theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.					
1	Gian hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009978)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10.000 đồng/giấy phép	- Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế) hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
2	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công	12 ngày	- Nhà ở riêng	- Cấp huyện: Nộp	Luật Xây dựng năm	- UBND

	trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009994)	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	lẻ: 50.000 đồng/giấy phép - Công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép	trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
3	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009995)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy phép - Công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép	- Cấp tỉnh: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.		
4	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009996)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy phép - Công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép			
5	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô	12 ngày kể từ ngày	- Nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy			

	thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009997)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	phép - Công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép			
6	Gian hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009998)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10.000 đồng/giấy phép			
7	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009999)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy phép - Công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép			